VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /2026/VBHN-QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 11 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức chi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định mức chi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính[1].

---

[1] Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND có căn cứ ban hành như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường).

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Nguyên tắc lập, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

1. Đối với các khoản chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Các mức chi quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này là mức tối đa, căn cứ tính chất, khối lượng, đặc điểm công việc của từng dự án và tình hình thực tế, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện lập, phê duyệt dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định pháp luật về ngân sách, pháp luật về đầu tư.

Điều 4. Mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Chi tổ chức họp với người có đất, chủ sở hữu tài sản trong khu vực thu hồi để phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tiếp nhận ý kiến, tổ chức vận động người có

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ- CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 67/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024."

đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất thực hiện dự án: 260.000 đồng/người/ngày.

2. Chi phát tờ khai, hướng dẫn người có đất, chủ sở hữu tài sản kê khai: 260.000 đồng/người/ngày.

3. Chi kiểm kê số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng chủ sở hữu tài sản; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác: 340.000 đồng/người/ngày.

4. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 340.000 đồng/người/ngày.

5. Chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định: 260.000 đồng/người/ngày.

6. Chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định: 260.000 đồng/người/ngày.

7. Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có). Việc thuê nhân công do người đứng đầu đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định, quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ và chỉ được thực hiện khi đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có đủ nhân sự để thực hiện và không được thực hiện nhiệm vụ trùng lặp với nhân sự của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 340.000 đồng/người/ngày.

8. Các khoản chi được tính theo nhu cầu thực tế phù hợp với đặc điểm của từng dự án, xác định trên chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ, gồm:

a) Chi phí đăng báo và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình;

b) Chi thuê nhà làm việc, thuê và mua sắm máy móc, thiết bị để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định;

c) Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc (bưu chính, điện thoại), xăng xe;

d) Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định.

Điều 5. Mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất

1. Chi thông báo, tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm, quyết định cưỡng chế thu hồi đất: 260.000 đồng/người/ngày.

2. Chi phục vụ công tác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: 340.000 đồng/người/ngày.

3. Chi phí bảo vệ, chống tái chiếm đất sau khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của thửa đất cưỡng chế thu hồi đến thời điểm hoàn thành việc giải phóng mặt bằng: 340.000 đồng/người/ngày.

4. Các khoản chi được tính theo nhu cầu thực tế, xác định trên chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ, gồm:

a) Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng chống cháy nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất;

b) Chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản; di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế, chi thuê địa điểm, nhân công, phương tiện bảo quản tài sản và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện bảo quản tài sản khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản không thanh toán;

c) Chi cho công tác quay phim, chụp ảnh phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất;

d) Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

2. Đối với trường hợp chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành[2]

---

[2] Điều 4 của Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026, quy định như sau:

*"**Điều 4. Điều khoản thi hành***

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2024.

2.[3] Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Lai Châu, ngày 11 tháng 11 năm 2026
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trọng Hải

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Sở Tài chính (để đăng tải trên Trang TTĐT của Sở Tài chính);
- VP UBND tỉnh: V, Trung tâm TT-HN tỉnh (để đăng Công báo);
- Lưu: VT, KTN, Hưng.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./."

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026.